

BÁO CÁO THẨM TRA

Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã Tu Mơ Rông năm 2024 –2025

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Thực hiện sự phân công của TT HĐND xã tại Công số 16/HĐND-VP, ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc phân công thẩm tra các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình HĐND xã khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025;

Ban Văn hóa - Xã hội HĐND xã đã tổ chức thẩm tra Về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã Tu Mơ Rông của Ban VHXH và ban KT- NS, cụ thể:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; Quy chế hoạt động của HĐND xã Tu Mơ Rông; Kế hoạch số 01/KH-BVH&XH ngày 04/7/2025 của Ban VHXH và Kế hoạch số 01/KH-BKTNS ngày 08/7/2025 của Ban KT-NS; Quyết định thành lập các Đoàn giám sát của 02 ban xã

Báo cáo giám sát của Ban Văn hóa – Xã hội về việc thực hiện chính sách bảo trợ xã hội; Báo cáo giám sát của Ban Kinh tế – Ngân sách về thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025;

II. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Đánh giá chung về công tác lãnh đạo, triển khai thực hiện

- Qua thẩm tra báo cáo và khảo sát thực tế, nhận thấy báo cáo đánh giá công tác triển khai tương đối đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh lnhất là Nghị định 20/2021/NĐ-CP; Nghị định 76/2024/NĐ-CP (tăng mức chuẩn BTXH từ 360.000 lên 500.000 đồng) và Các văn bản hướng dẫn chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Sự chỉ đạo điều hành được thực hiện nghiêm túc, có phân công trách nhiệm, thành lập ban chỉ đạo theo từng nội dung; tổ chức họp, công khai danh sách đối tượng theo quy định; phối hợp khá chặt chẽ với đoàn thể và thôn.

2. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội (BTXH)

2.1. Số liệu đối tượng và kinh phí thực hiện: 6 tháng cuối năm 2024: 343 đối tượng, kinh phí 1.497.250.000 đồng và 6 tháng đầu năm 2025: 290 đối tượng, kinh

phí 1.294.250.000 đồng. 100% đối tượng được cấp thẻ BHYT; thực hiện mai táng phí, chi trả chăm sóc nuôi dưỡng, chi trả trực tiếp và kinh phí quản lý theo đúng chế độ.

2.2. Công tác quản lý, xét duyệt hồ sơ: Hội đồng xét duyệt được kiện toàn 7/7 thành viên, họp định kỳ. Trong mỗi giai đoạn giám sát đều có **01 hồ sơ đối tượng mới** được xét duyệt. Hồ sơ cơ bản đảm bảo quy trình, nhưng còn một số trường hợp **chưa được đưa vào diện hưởng** dù có ý kiến từ cơ sở (thôn Đăk Chum, Đăk Ka...).

2.3. Ưu điểm: Việc chi trả nhìn chung kịp thời, đúng mức, đúng quy định. Phối hợp thôn – đoàn thể tốt, tuyên truyền rộng. Triển khai đúng Nghị định 76/2024/NĐ-CP.

2.4. Hạn chế: Số liệu giữa các báo cáo chưa thống nhất, điều chỉnh chậm. Một số thông tin đối tượng sai sót (họ tên, ngày sinh...) , Có thời điểm **chi trả chậm**, chủ yếu tháng 7–8/2025. Nhân lực chuyên môn còn **kiêm nhiệm**, công nghệ thông tin hạn chế. Một số trường hợp đủ điều kiện nhưng **chưa hưởng chế độ**.

3. Kết quả thực hiện Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát

3.1. Ưu điểm: - Công tác xét duyệt và triển khai: Tổng số nhà được phê duyệt: **48 nhà** (toàn bộ xây mới). Nhà hoàn thành: **42/48**; 06 nhà chưa triển khai do **chưa có kinh phí**. Hồ sơ được kiểm tra thực địa, niêm yết công khai tại thôn – xã.

- **Chất lượng nhà ở:** 100% nhà hoàn thành đạt tiêu chí “**3 cứng**”, diện tích $\geq 35 \text{ m}^2$. Nhiều hộ vận động thêm nguồn lực để làm nhà lớn hơn (50 m^2). Một số nhà có tình trạng **dột mái**, yêu cầu khắc phục.

- **Kinh phí: Tổng kinh phí:** 3.367.000.000 đồng. Nhà nước hỗ trợ: 2.290.000.000 đồng. Đối ứng hộ dân: 1.077.000.000 đồng. Đã giải ngân đủ 100% cho **39/42 hộ**

- Quy trình xét chọn dân chủ – công khai – đúng đối tượng. Tiến độ xây dựng nhanh, giám sát chặt chẽ. Nhà xây dựng phù hợp phong tục, thiết kế bền vững. Tuyên truyền sâu rộng, huy động tốt sức dân.

3.2. Hạn chế: Kế hoạch triển khai gấp, số lượng nhà nhiều → áp lực tiến độ. Hộ nghèo không có vốn → phải mua vật tư trả chậm, giá cao. 06 nhà chưa bố trí kinh phí nên chưa xây. Một số nhà đã làm nhưng **chất lượng mái chưa đạt (dột)**. Giá vật liệu tăng mạnh do nhiều chương trình triển khai đồng thời.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN THẨM TRA

1. Nhận xét chung

Báo cáo **đầy đủ, có số liệu chi tiết**. Hai chương trình đều mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, tác động trực tiếp đến an sinh xã hội và chất lượng đời sống Nhân dân. Việc tổ chức thực hiện cơ bản đảm bảo **đúng chủ trương – đúng đối tượng – đúng quy trình**. Tuy nhiên, vẫn còn những bất cập cần khắc phục, về công tác chi trả và quản lý, cập nhật thông tin đối tượng. 06 nhà chưa xây do thiếu vốn;

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ban Văn hóa – xã hội: Tăng cường giám sát công tác chi trả BTXH; thường xuyên nắm bắt thông tin đối tượng tại các thôn để kịp thời đề xuất làm hồ sơ cho các trường hợp đủ điều kiện hưởng chế độ theo quy định.

2. Đối với Ban Kinh tế – ngân sách: Tiếp tục giám sát việc thực hiện các kiến đề xuất tại báo cáo giám sát về xóa nhà tạm.

3. Đối với các thôn: Phối hợp chặt chẽ trong việc xét chọn đối tượng BTXH và nhà ở; Giám sát quá trình thi công nhà, báo cáo kịp thời các bất cập.

V. KẾT LUẬN

Ban Văn hóa – Xã hội thống nhất trình HĐND xã xem xét kết quả giám sát, đồng thời yêu cầu các Ban và tiếp thu ý kiến thẩm tra để kịp thời khắc phục hạn chế, bảo đảm việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, xóa nhà tạm đạt hiệu quả bền vững./.

Nơi nhận:

- TT HĐND xã;
- UBND xã;
- Ban KT-NS;
- Lưu: VT

TM. BAN VĂN HÓA – XÃ HỘI
PHÓ TRƯỞNG BAN

Y Bôi